SỞ GD & ĐT TỈNH ĐĂK NÔNG
TRƯỜNG THPT ĐĂK MIL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 30/THPT-ĐM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường Năm học 2018-2019

Biểu mẫu 11

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	28	Số m^2/HS
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	23	1,28
2	Phòng học bán kiên cố	5	1,2
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	7	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	28/28	-
8	Bình quân học sinh/lớp	39	-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	20.888	19,6
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	2082	1,9
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1344	1,2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	392	0,3
3	Diện tích thư viện (m^2)	86	0.08
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	540	0,5
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	34,6	0,03
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp.10	198	19,8
1.2	Khối lớp.11	139	17,3
1.3	Khối lớp.12	173	17,3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	10	1,2
2.3	Khối lớp 12	2	0,2
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	0,19
4	…		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	75	0,07
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	28	1
2	**Cát xét**	0	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	2	0.001
5	**Thiết bị khác...**	0	
6	**.....**		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**	**Số lượng**	**Số thiết bị/lớp**
1	**Ti vi**	28	1
2	**Cát xét**	0	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	2	0.001
5	**Thiết bị khác...**	0	
..	.....		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	0
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0		
XIII	**Khu nội trú**	0		

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	31,5		77,4		0,07
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XVII	**Kết nối internet**	X	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	X	
XIX	**Tường rào xây**	X	

Đăk Mil, ngày 30 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐĂK MIL

Hồ Tấn Đằng